

**BẢN TIN VỀ KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG**

**Tháng 12 - KCD**

**1. Tên nhiệm vụ:** Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Cửa Đạt, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp

**2. Ngày quan trắc:** 06 – 07/12/2024

**Ngày cung cấp TT:** 08/12/2024

**3. Tình trạng hoạt động của các cống khi lấy mẫu:**

STT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Tình trạng hoạt động của cống
1	4	TL. Cầu máng Phùng Giáo	Cống mở.
2	5	TL. Cụm đầu mối đập Bái Thượng	Cống mở.
3	15	TL. đập điều tiết Quảng Minh	Cống mở.
4	16	TL. đập điều tiết Đại Lý	Cống mở.
5	18	TL. xiphông sông Lý	Cống mở.

**4. Tổng số vị trí các điểm quan trắc:** 5 vị trí

**5. Đơn vị thực hiện:** Phòng Thí nghiệm và Tư vấn quản lý CLN, Môi trường – Viện Quy hoạch Thủy lợi

**Người cung cấp thông tin:** Trịnh Xuân Hoàng – Trưởng phòng

**6. Đơn vị nhận thông tin:** Cục Thủy lợi, Công ty TNHH MTV Sông Chu, Ban Quản lý và ĐTXD Thủy lợi 3, Chi cục Thủy lợi Thanh Hóa.

## KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

### Bảng tóm tắt:

**Căn cứ theo các quy chuẩn: QCVN 08:2023 và số liệu khảo sát hiện trường sơ bộ nhận định về chất lượng nước tại các vị trí quan trắc theo các hạng như sau:**

**A – Sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt, bơi lội, vui chơi dưới nước (sau khi áp dụng xử lý phù hợp):** TL. Cầu máng Phụng Giáo, TL. Cụm đầu mối đập Bãi Thượng, TL. đập điều tiết Đại Lý, TL. xiphông sông Lý.

**B – Sử dụng cho mục đích sản xuất nông nghiệp, công nghiệp (sau khi áp dụng xử lý phù hợp):** Các vị trí đạt giới hạn trên, TL. đập điều tiết Đại Lý.

**C – Sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp (sau khi áp dụng xử lý phù hợp), không gây mùi khó chịu:** Các vị trí đạt giới hạn trên, TL. đập điều tiết Quảng Minh.

**D – Giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu nước chất lượng thấp:** Các vị trí đạt giới hạn trên.

**Bảng chi tiết:**

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
QCVN 08:2023 - A				6.5 – 8.5		≥ 6					
QCVN 08:2023 - B				6 – 8.5		≥ 5					
QCVN 08:2023 - C				6 – 8.5		≥ 4					
QCVN 08:2023 - D				< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
1	TL. Cầu máng Phụng Giáo	Đánh giá CLN thượng lưu kênh Bắc Sông Chu – Nam Sông Mã sau khi lấy nước qua thủy điện Độc Cây.	Trời nhiều mây, nhiệt độ = 25°C, độ ẩm 80%, mật độ mây 90%, gió TB 5 km/h. Dòng chảy trung bình, cống mở. Nước màu xanh trong.	7.21	15.6	7.2	0.1	0.093	0.608	98	Các chỉ tiêu hiện trường pH, DO đạt giới hạn mức A cho phép
2	TL. Cụm đầu mối đập Bái Thượng	Đánh giá CLN sông Chu trước khi lấy nước vào hệ thống Bái Thượng.	Trời nhiều mây, nhiệt độ = 25°C, độ ẩm 80%, mật độ mây 85%, gió TB 5 km/h. Dòng chảy trung bình, cống mở. Nước màu xanh trong	7.15	21.5	6.9	0.1	0.109	0.698	102	Các chỉ tiêu hiện trường pH, DO đạt giới hạn mức A



Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
QCVN 08:2023 - A				6.5 – 8.5		≥ 6					
QCVN 08:2023 - B				6 – 8.5		≥ 5					
QCVN 08:2023 - C				6 – 8.5		≥ 4					
QCVN 08:2023 - D				< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
3	TL. đập điều tiết Quảng Minh	Đánh giá CLN hạ lưu kênh chính Bắc.	Trời nhiều mây, nhiệt độ = 23°C, độ ẩm 85%, mật độ mây 95%, gió ĐB 6 km/h. Dòng chảy chậm. Cổng mở. Có nhiều rác trên kênh. Nước màu xanh lục.	6.95	25.4	4.85	0.1	0.350	1.148	183	Chi tiêu hiện trường DO không đạt giới hạn mức B
4	TL. đập điều tiết Đại Lý	Đánh giá CLN kênh tưới B9 là nhánh của kênh Bắc.	Trời nhiều mây, nhiệt độ = 23°C, độ ẩm 85%, mật độ mây 90%, gió ĐB 6 km/h. Dòng chảy chậm, cổng mở. mực nước thấp. Có nhiều rác thải trên kênh. Nước màu xanh lục.	7.05	20.6	5.27	0.1	0.295	1.418	111	Các chi tiêu hiện trường pH, DO đạt giới hạn mức B

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
		<i>QCVN 08:2023 - A</i>		6.5 – 8.5		≥ 6					
		<i>QCVN 08:2023 - B</i>		6 – 8.5		≥ 5					
		<i>QCVN 08:2023 - C</i>		6 – 8.5		≥ 4					
		<i>QCVN 08:2023 - D</i>		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
5	TL. xiphông sông Lý	Đánh giá CLN kênh tưới B22 là nhánh của kênh Bắc.	Trời nhiều mây, nhiệt độ = 22°C, độ ẩm 87%, mật độ mây 85%, gió ĐB 6 km/h. Dòng chảy trung bình, cống mở. Mực nước thấp. Nước màu xanh.	7.11	33.7	6.5	0.1	0.194	1.013	107	Các chỉ tiêu hiện trường pH, DO đạt giới hạn mức A

**Ghi chú:**

**QCVN 08:2023 Mức A:** Chất lượng nước tốt. Hệ sinh thái trong môi trường nước có hàm lượng oxy hòa tan (DO) cao. Nước có thể sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt, bơi lội, vui chơi dưới nước sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

**QCVN 08:2023 Mức B:** Chất lượng nước trung bình. Hệ sinh thái trong nước tiêu thụ nhiều oxy hòa tan do một lượng lớn chất ô nhiễm. Nước có thể sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp, nông nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

**QCVN 08:2023 Mức C:** Chất lượng nước xấu. Hệ sinh thái trong nước có lượng oxy hòa tan giảm mạnh do chứa một lượng lớn các chất ô nhiễm. Nước không gây mùi khó chịu, có thể được sử dụng cho các mục đích sản xuất công nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

**QCVN 08:2023 Mức D:** Nước có chất lượng rất xấu, có thể gây ảnh hưởng lớn tới cá và các sinh vật sống trong môi trường nước do nồng độ oxy hòa tan thấp, nồng độ chất ô nhiễm cao. Nước có thể được sử dụng cho các mục đích giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu chất lượng nước thấp.

**Nơi nhận:**

- Cục Thủy lợi;
- Cty TNHH MTV KTCTTL Sông Chu;
- Ban QL và ĐTXD Thủy lợi 3;
- Chi cục thủy lợi tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu phòng TN&TVQLCLN,MT.

Hà Nội, ngày 08 tháng 12 năm 2024

**VIỆN QUY HOẠCH THỦY LỢI**



PHÓ VIỆN TRƯỞNG  
*Đào Ngọc Tuấn*